

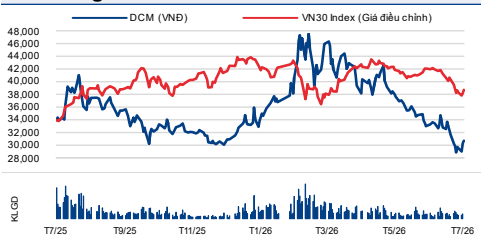
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ49,600
Tiềm năng tăng/giảm: 61.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/7/2026)	30,700
Mã Bloomberg	DCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	28,900-47,459
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	30,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	16,253
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	617
Slg CP lưu hành (tr.đv)	529
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	259
Slg CP NN được mua (tr.đv)	208
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.67%
Tỷ lệ freefloat	24.4%
Cổ đông lớn	PVN (75.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	16,961	23,003	23,766
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,190	3,078	2,803
LNTT (tỷ đồng)	2,157	3,071	2,800
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,915	2,732	2,491
FCF (tỷ đồng)	(1,638)	2,959	1,175
EPS ĐC (đồng)	3,618	5,161	4,705
DPS (đồng)	1,500	1,500	1,500
BVPS (đồng)	20,228	23,373	26,107
T.trưởng EBITDA (%)	70.2	40.5	(8.93)
T.trưởng EPS ĐC (%)	56.7	42.7	(8.84)
Tăng trưởng DPS (%)	(25.0)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	12.9	13.4	11.8
Tỷ suất LNTT (%)	12.7	13.4	11.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	11.3	11.9	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	41.5	29.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	(5.70)	(25.0)	(22.9)
ROAE (%)	18.4	23.7	19.0
ROACE (%)	16.3	21.0	16.4
EV/doanh thu (lần)	0.64	0.36	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.97	2.68	2.71
P/E ĐC (lần)	8.49	5.95	6.53
P/B (lần)	1.52	1.31	1.18
Lợi suất cổ tức (%)	4.89	4.89	4.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DCM là công ty sản xuất phân đạm urea hạt đục duy nhất tại Việt Nam. DCM hiện đang chiếm 30% thị phần trên thị trường urea nội địa.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hp@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Q2/2026: KQKD vượt xa dự báo nhờ xuất khẩu urê

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 tăng mạnh 35,9% so với cùng kỳ (tăng 35,6% so với quý trước) đạt 1.068 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 6,7 nghìn tỷ đồng (tăng 11,2% so với cùng kỳ). Lợi nhuận thuần cao hơn 26% so với dự báo 850 tỷ đồng của HSC nhờ doanh thu urê tăng mạnh 60,2% so với cùng kỳ khi sản lượng xuất khẩu tăng 129% so với cùng kỳ, bù đắp hoàn toàn mức giảm của doanh thu trong nước.
- Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần tăng 55% so với cùng kỳ đạt 1.856 tỷ đồng, trên doanh thu thuần khoảng 12 nghìn tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ). Các kết quả này bằng lần lượt 52% và 68% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cả năm 2026 của HSC.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 49.600đ. Do KQKD nửa đầu năm 2026 vượt xa dự báo nên chúng tôi đang xem xét lại các dự báo này.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

DCM công bố KQKD Q2/2026 tích cực với lợi nhuận thuần tăng mạnh 35,9% so với cùng kỳ (tăng 35,6% so với quý trước) đạt 1.068 tỷ đồng và doanh thu thuần tăng 11,2% so với cùng kỳ (tăng 27% so với quý trước) đạt 6,7 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận thuần cao hơn 26% so với dự báo trước KQKD của HSC ở mức 850 tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu urê cao hơn dự báo, tăng 60,2% so với cùng kỳ khi sản lượng xuất khẩu tăng mạnh 129% so với cùng kỳ, bù đắp hoàn toàn mức giảm của doanh thu urê trong nước (giảm 36% so với cùng kỳ).

Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần tăng 55% so với cùng kỳ đạt 1.856 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần tăng 27% so với cùng kỳ đạt khoảng 12 nghìn tỷ đồng. Các kết quả này bằng lần lượt 68% và 52% dự báo lợi nhuận thuần và doanh thu thuần cả năm 2026 của HSC, cao hơn dự báo.

Urê giúp thúc đẩy doanh thu nhờ xuất khẩu tăng mạnh

Trong Q2/2026, KQKD theo từng mảng như sau:

- Urê:** Doanh thu tăng mạnh 60,2% so với cùng kỳ (tăng 33,2% so với quý trước) đạt 3.894 tỷ đồng, nhờ giá bán bình quân chung tăng 33,6% và sản lượng tiêu thụ tăng 20% so với cùng kỳ đạt 269.090 tấn. Sản lượng tiêu thụ tăng chủ yếu nhờ sản lượng xuất khẩu tăng mạnh 129% so với cùng kỳ đạt 173.750 tấn, bù đắp hoàn toàn mức giảm 35,8% xuống 95.340 tấn của sản lượng tiêu thụ trong nước.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026 hợp nhất, DCM

Lợi nhuận thuần tăng 35,9% so với cùng kỳ trong Q2 và tăng 55% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	6,037	6,712	11.2%	9,444	11,998	27.0%
Giá vốn hàng bán	(4,797)	(4,711)	-1.8%	(7,318)	(8,651)	18.2%
Lợi nhuận gộp	1,241	2,001	61.3%	2,126	3,347	57.5%
Chi phí QL&BH	(444)	(869)	95.9%	(955)	(1,400)	46.6%
EBIT	797	1,131	42.0%	1,171	1,947	66.3%
Lợi nhuận tài chính	92	57	-37.7%	170	113	-33.2%
Lợi nhuận thuần	786	1,068	35.9%	1,198	1,856	55.0%

Tỷ suất lợi nhuận gộp	20.5%	29.8%	22.5%	27.9%
Chi phí QL&BH / doanh thu	7.4%	13.0%	10.1%	11.7%
Tỷ suất EBIT	13.2%	16.9%	12.4%	16.2%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	13.0%	15.9%	12.7%	15.5%

Nguồn: DCM, HSC

- **NPK:** Doanh thu giảm 35% so với cùng kỳ xuống 1.138 tỷ đồng do sản lượng giảm 39% so với cùng kỳ xuống 88.082 tấn (theo ước tính của HSC), chỉ được bù đắp một phần nhờ giá bán bình quân tăng 6,5% so với cùng kỳ.
- **Phân bón nhập khẩu (thương mại):** Doanh thu tăng nhẹ 6,2% so với cùng kỳ đạt 1.656 tỷ đồng khi giá bán bình quân tăng mạnh 55,9% so với cùng kỳ, bù đắp hoàn toàn mức giảm 31,8% xuống 103.350 tấn của sản lượng tiêu thụ.

Trong nửa đầu năm 2026, KQKD theo từng mảng như sau:

- **Urê:** Doanh thu tăng khoảng 40% so với cùng kỳ, nhờ giá bán bình quân tăng khoảng 18,6% so với cùng kỳ và sản lượng xuất khẩu tăng mạnh khoảng 97% so với cùng kỳ, mặc dù sản lượng tiêu thụ trong nước giảm khoảng 32% so với cùng kỳ.
- **NPK:** Doanh thu giảm 14% so với cùng kỳ do sản lượng giảm khoảng 20%.
- **Phân bón nhập khẩu:** Doanh thu tăng khoảng 59% so với cùng kỳ nhờ sản lượng tiêu thụ tăng khoảng 17%.

Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng mặc dù chi phí khí tăng

Trong Q2/2026, lợi nhuận gộp tăng mạnh 61,3% so với cùng kỳ (tăng 48,6% so với quý trước) đạt 2.001 tỷ đồng, vượt xa mức tăng 11,2% của doanh thu. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp chung tăng 9,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ lên mức 29,8% (so với 20,5% trong Q2/2025).

Mặc dù chi phí khí đầu vào ước tính tăng 37,5% so với cùng kỳ lên 11,82 USD/mmbtu (đã bao gồm VAT), tỷ suất lợi nhuận vẫn tăng nhờ giá bán bình quân urê cao hơn đáng kể và cơ cấu doanh thu dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng urê có tỷ suất lợi nhuận cao, qua đó giúp bù đắp phần tăng của chi phí năng lượng.

Theo từng mảng:

- **Urê:** Tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên mức 46% (so với 35,1% trong Q2/2025) do giá bán bình quân tăng mạnh, bù đắp hoàn toàn phần tăng của chi phí khí.
- **NPK:** Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 15,8% (so với 18,1% trong Q2/2025) do sản lượng giảm mạnh (giảm 39% so với cùng kỳ).
- **Phân bón nhập khẩu:** Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên mức 6,6% (so với 4% trong Q2/2025).

Trong nửa đầu năm 2026, tỷ suất lợi nhuận gộp chung cải thiện lên mức 27,9% (so với 22,5% trong nửa đầu năm 2025), chủ yếu nhờ mảng urê.

Thu nhập HĐ tài chính giảm; chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh

Lợi nhuận tài chính trong Q2/2026 giảm 37,7% so với cùng kỳ xuống 57 tỷ đồng, theo đó lợi nhuận tài chính nửa đầu năm 2026 giảm xuống 113 tỷ đồng (giảm 33,2% so với cùng kỳ).

Chi phí bán hàng & quản lý gần như tăng gấp đôi, tăng 95,9% so với cùng kỳ đạt 869 tỷ đồng trong Q2/2026; theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng lên mức 13% (so với 7,4% trong Q2/2025). Trong nửa đầu năm 2026, chi phí bán hàng & quản lý tăng 46,6% so với cùng kỳ lên 1.400 tỷ đồng và tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng lên mức 11,7% (so với 10,1% trong nửa đầu năm 2025).

Duy trì khuyến nghị Mua vào; xem xét lại các dự báo

Do lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2026 đã bằng 67,9% dự báo cả năm của HSC, chúng tôi nhận thấy nhiều khả năng KQKD thực hiện cao hơn rõ rệt so với các dự báo hiện tại và đang xem xét lại các dự báo.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu 49.600đ. Quan điểm tích cực của chúng tôi được củng cố nhờ nền tảng sản xuất có chi phí thấp mang tính cơ cấu của DCM, thị phần khoảng 30% trên thị trường urê hạt đục trong nước, khả năng mở rộng xuất khẩu và bảng CĐKT với lượng tiền mặt thuần lớn, hỗ trợ duy trì khả năng chi trả cổ tức bền vững của doanh nghiệp.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	13,456	16,961	23,003	23,766	23,766
Lợi nhuận gộp	2,513	4,035	5,626	5,439	5,415
Chi phí BH&QL	(1,495)	(2,189)	(2,968)	(3,067)	(3,067)
Thu nhập khác	1.12	5.58	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LN TT	1,324	2,157	3,071	2,800	2,776
Chi phí thuế TNDN	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(8.35)	(2.03)	(16.5)	(15.0)	(14.9)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
Lợi nhuận thuần ĐC	1,222	1,915	2,732	2,491	2,469
EBITDA ĐC	1,287	2,190	3,078	2,803	2,788
EPS (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
EPS ĐC (đồng)	2,308	3,618	5,161	4,705	4,664
DPS (đồng)	2,000	1,500	1,500	1,500	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	529	529	529	529	529

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Đầu tư ngắn hạn	7,039	4,082	4,490	4,939	5,433
Phải thu khách hàng	529	1,263	1,204	1,406	1,484
Hàng tồn kho	2,950	4,804	4,902	5,642	5,882
Các tài sản ngắn hạn khác	500	709	830	905	930
Tổng tài sản ngắn hạn	12,921	14,449	16,903	18,603	19,685
TSCĐ hữu hình	2,172	2,416	2,259	2,098	1,932
TSCĐ vô hình	364	426	424	419	414
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	272	354	227	299	298
Tổng tài sản dài hạn	2,808	3,196	2,910	2,815	2,643
Tổng cộng tài sản	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
Nợ ngắn hạn	1,229	2,226	1,926	1,926	1,926
Phải trả người bán	1,612	1,764	2,213	2,145	2,131
Nợ ngắn hạn khác	1,556	1,220	1,391	1,455	871
Tổng nợ ngắn hạn	4,681	5,982	6,122	6,251	5,725
Nợ dài hạn	120	56.8	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	751	866	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ dài hạn	871	923	1,269	1,284	1,275
Tổng nợ phải trả	5,552	6,905	7,391	7,535	7,000
Vốn chủ sở hữu	10,144	10,709	12,374	13,821	15,249
Lợi ích cổ đông thiểu số	32.8	31.4	47.9	63.0	77.9
Tổng vốn chủ sở hữu	10,177	10,740	12,422	13,884	15,327
Tổng nợ phải trả và VCSH	15,729	17,645	19,813	21,419	22,328
BVPS (đ)	19,162	20,228	23,373	26,107	28,805
Nợ thuần/(tiền mặt)	(554)	(1,308)	(3,551)	(3,786)	(4,030)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	1,019	1,852	2,657	2,372	2,348
Khấu hao	(268)	(339)	(420)	(431)	(440)
Lãi vay thuần	305	305	414	428	428
Thuế TNDN đã nộp	(94.1)	(239)	(322)	(294)	(291)
Thay đổi vốn lưu động	(912)	(2,424)	706	(945)	(876)
Khác	(509)	(1,043)	(656)	(553)	(559)
LCT thuần từ HKKD	77.5	(1,211)	3,219	1,439	1,489
Đầu tư TS dài hạn	(791)	(427)	(261)	(265)	(269)
Góp vốn & đầu tư	(14,041)	(11,373)	(408)	(449)	(494)
Thanh lý	4.09	0	0	0	0
Khác	14,786	14,820	545	563	563
LCT thuần từ HĐĐT	(41.6)	3,021	(124)	(150)	(199)
Cổ tức trả cho CSH	(1,059)	(1,055)	(794)	(794)	(794)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	437	934	(416)	(260)	(251)
Khác	(2.91)	(1.60)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(625)	(123)	(1,210)	(1,054)	(1,045)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,284	1,903	3,590	5,476	5,711
LCT thuần trong kỳ	(589)	1,687	1,886	235	244
Ảnh hưởng của tỷ giá	208	0.14	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,903	3,590	5,476	5,711	5,956
Dòng tiền tự do	(714)	(1,638)	2,959	1,175	1,220

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.7	23.8	24.5	22.9	22.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	9.57	12.9	13.4	11.8	11.7
Tỷ suất LNT (%)	9.08	11.3	11.9	10.5	10.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.10	11.1	10.5	10.5	10.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	7.04	26.0	35.6	3.32	0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(28.0)	70.2	40.5	(8.93)	(0.54)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.2	56.7	42.7	(8.84)	(0.86)
Tăng trưởng DPS (%)	0	(25.0)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	86.6	41.5	29.1	31.9	32.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	12.2	18.4	23.7	19.0	17.0
ROACE (%)	9.36	16.3	21.0	16.4	14.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.87	1.02	1.23	1.15	1.09
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.08	(0.65)	1.21	0.61	0.63
Số ngày tồn kho	98.4	136	103	112	117
Số ngày phải thu	17.6	35.7	25.3	28.0	29.5
Số ngày phải trả	53.8	49.8	46.5	42.7	42.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.17)	(5.70)	(25.0)	(22.9)	(21.9)
Nợ/tài sản (%)	10.1	16.9	12.1	11.9	11.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.23	1.36	0.78	0.91	0.94
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.76	2.42	2.76	2.98	3.44
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.65	0.64	0.36	0.32	0.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.75	4.97	2.68	2.71	2.46
P/E (lần)	13.3	8.49	5.95	6.53	6.58
P/E ĐC (lần)	13.3	8.49	5.95	6.53	6.58
P/B (lần)	1.60	1.52	1.31	1.18	1.07
Lợi suất cổ tức (%)	6.51	4.89	4.89	4.89	4.89

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn